

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả (228334) -

Môn học: **Nhóm 06**

CBGD: **Nguyễn Thị Lan Phương (280017)**

Số SV có mặt: 18
Số bài thi: 18
Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1 <i>gmp</i> Ng. T. L. Phương	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 <i>gmp</i> Ng. T. L. Phương	G.Viên chấm thi 2
--	------------------	---	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150059	BÙI NGỌC BẢO	08/07/2003	CCQ2115B							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150081	HUỖNH QUỐC BẢO	21/02/2004	CCQ2215C							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150078	LƯƠNG VĂN BÌNH	24/10/2004	CCQ2215C				6,0	0,0	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150090	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	17/04/2004	CCQ2215C			<i>Chuông</i>	7,9	8,0	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150080	NGUYỄN DUY CƯỜNG	21/04/2004	CCQ2215C			<i>Cường</i>	7,8	7,0	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150068	NGÔ THANH ĐIỀU	14/08/2004	CCQ2215C			<i>Điều</i>	7,5	8,0	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150069	HỨA HẢI DƯƠNG	27/10/2004	CCQ2215C							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150052	TRẦN MINH DƯƠNG	20/04/2004	CCQ2215C			<i>Dương</i>	8,0	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150049	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	25/04/2004	CCQ2215C			<i>Đạt</i>	6,4	7,0	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122150053	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/04/2004	CCQ2215C							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150046	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	10/11/2004	CCQ2215C			<i>Định</i>	7,8	7,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150077	NGUYỄN DUY ĐÔNG	15/07/2004	CCQ2215C			<i>Đông</i>	7,3	8,0	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150065	NGUYỄN NGỌC HẢI	28/12/2004	CCQ2215C			<i>Hải</i>	7,1	7,5	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150057	HUỖNH HUY HÙNG	17/08/2004	CCQ2215C			<i>Hùng</i>	6,6	6,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150061	PHẠM VĂN HÙNG	25/08/2004	CCQ2215C			<i>Hùng</i>	6,4	6,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150054	ĐẶNG QUANG HUY	08/04/2003	CCQ2215C			<i>Huy</i>	7,9	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150060	NGUYỄN QUANG HUY	07/10/2004	CCQ2215C			<i>Huy</i>	7,5	8,0	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150045	NGUYỄN TẤN HUY	24/01/2004	CCQ2215C			<i>Huy</i>	7,6	7,0	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150075	TRẦN ĐÌNH HUY	30/03/2004	CCQ2215C							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150074	TRẦN QUANG HUY	27/08/2004	CCQ2215C			<i>Huy</i>	7,0	7,5	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả (228334) -
Môn học: **Nhóm 06**
CBGD: **Nguyễn Thị Lan Phương (280017)**

Số SV có mặt: 18
Số bài thi: 18
Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>gmg2</i> Ng. T. L. Phương		<i>gmg2</i> Ng. T. L. Phương	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150098	TRẦN HOÀNG HƯNG	10/09/2003	CCQ2215C							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150063	TRƯƠNG GIA KIÊN	22/01/2004	CCQ2215C			<i>Kien</i>	7,5	7,5	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150099	PHAN VĂN KIẾT	23/05/2004	CCQ2215C			<i>Phan Van</i>	7,9	9,0	8,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122150044	LA NGỌC LỄ	29/08/2004	CCQ2215C			<i>La</i>	7,5	7,0	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả (228334) -
Môn học: **Nhóm 07**
CBGD: **Nguyễn Thị Lan Phương (280017)**

Số SV có mặt: 15
Số bài thi: 15
Số tờ giấy thi: 15

Cán bộ coi thi 1 <i>gmm</i> <i>Ng. T. L. Phương</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>gmm</i> <i>Ng. T. L. Phương</i>	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
---	---	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150066	NGUYỄN THÀNH LONG	24/08/2004	CCQ2215D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122150100	VÕ THÀNH LONG	21/11/2004	CCQ2215D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122150083	LÊ ĐỨC LỘC	23/11/2004	CCQ2215D			<i>L</i>	8,0	7,0	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122150067	NGUYỄN ĐỨC LỘC	23/10/2004	CCQ2215D			<i>Đức</i>	8,0	7,0	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122150089	TRƯƠNG CÔNG LÝ	28/09/2004	CCQ2215D			<i>Lý</i>	8,0	7,5	7,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122150093	NGUYỄN VĂN MƯỚP	27/08/2004	CCQ2215D			<i>Mướp</i>	8,0	7,0	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122150079	NGUYỄN TRẦN HOÀI NAM	22/02/2004	CCQ2215D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122150072	TRẦN TRUNG NGUYÊN	20/07/2004	CCQ2215D			<i>Nguyên</i>	5,5	7,0	6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122150070	HOÀNG THẾ QUANG	22/08/2004	CCQ2215D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122150091	TRẦN DANH QUỐC	29/11/2004	CCQ2215D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122150058	ĐINH HỮU NGÔ QUYỄN	28/09/2004	CCQ2215D			<i>Quyển</i>	8,7	8,5	8,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122150059	NGUYỄN TẤN THÀNH	16/05/2004	CCQ2215D			<i>Thành</i>	8,0	6,5	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122150064	PHAN CHÍ THIÊN	21/11/2004	CCQ2215D			<i>Thiên</i>	7,7	6,0	6,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122150048	NGUYỄN ANH THỊNH	10/12/2004	CCQ2215D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122150085	VÕ ĐỨC THỊNH	16/11/2004	CCQ2215D			<i>Thịnh</i>	8,3	7,5	7,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
16	2122150055	HUỲNH THUẬN	18/09/2004	CCQ2215D			<i>Thuận</i>	8,0	7,0	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122150073	VŨ TRỌNG THUẬN	28/08/2004	CCQ2215D			<i>Trọng</i>	8,7	8,5	8,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122150071	TÔ MINH TIẾN	30/05/2003	CCQ2215D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122150062	BÙI NGUYỄN THIÊN TOÀN	02/09/2004	CCQ2215D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122150084	NGUYỄN TRỌNG TRI	21/09/2004	CCQ2215D			<i>Tri</i>	9,0	7,0	7,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả (228334) -
Môn học: **Nhóm 07**
CBGD: **Nguyễn Thị Lan Phương (280017)**

Số SV có mặt:15.....
Số bài thi:15.....
Số tờ giấy thi:15.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
ghm Ng.T.L. Phương		ghm Ng.T.L. Phương	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150092	CHÂU THANH	22/08/2004	CCQ2215D			Trọng	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150051	HỒ ĐỨC	02/07/2004	CCQ2215D			Trọng	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150056	PHAN VĂN	06/11/2004	CCQ2215D			✓	7,0	7,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122150076	PHAN VĂN NGỌC	08/08/2004	CCQ2215D							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9